

# Andrew Fuller

Tôi sẽ leo xuống nếu các anh giữ chặt dây thừng

JOHN PIPER



CÁC SÁCH KHÁC CỦA JOHN PIPER  
ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN NGỮ SANG TIẾNG VIỆT

*Liều lĩnh là đúng*

*Nhìn thấy và say mê Jêsus Christ*

*Vi-rút Corona và Đấng Christ*

*Hãy để mọi dân tộc reo vui*

*Đói khát Đức Chúa Trời*

*Khi tôi không khao khát Chúa*

*Kinh ngạc vì Đức Chúa Trời*

*Adoniram Judson*

*David Brainerd*

*Tin mừng lớn*

*Đừng lãng phí cuộc đời*



ANDREW FULLER

TÔI SẼ LEO XUỐNG NẾU CÁC ANH GIỮ CHẶT  
DÂY THỪNG

JOHN PIPER

DỊCH GIẢ  
DANIEL DOAN





## MỤC LỤC

1. Giải phóng công tác truyền giáo hiện đại	9
2. Một nhà tư tưởng	19
3. Một người tin vào thuyết Calvin	29
4. Liên kết quan trọng giữa giáo lý và công tác truyền giáo thế giới	45
Tác giả	49
Mục vụ Tiên Phong	51



# 1

## GIẢI PHÓNG CÔNG TÁC TRUYỀN GIÁO HIỆN ĐẠI

Carey là ngôi sao sáng của phong trào truyền giáo hiện đại. Từ năm 1793 đến năm 1865, một phong trào giáo sĩ chưa từng thấy trong lịch sử thế giới đã lan tới hầu hết các vùng duyên hải trên trái đất. Sau đó, vào năm 1865, Hudson Taylor thành lập Hội Truyền giáo Trung Hoa Lục địa, rồi từ năm 1865 đến 1934, một làn sóng giáo sĩ khác đã được triển khai hầu cho tất cả các vùng nội địa vào năm 1974 – tất cả quốc gia địa lý trên thế giới – đều được nghe Phúc Âm. Vào năm 1934, Cameron Townsend thành lập tổ chức Chuyển ngữ Kinh Thánh Wycliffe, một tổ chức không tập trung vào các khu vực địa lý hay vấn đề chính trị mà tập trung vào các nhóm dân tộc có ngôn ngữ, tiếng địa phương và văn hóa riêng biệt – dần dần Hội thánh đã thức tỉnh, đặc biệt là tại Đại hội Lausanne vào năm 1974, trước khải tượng Kinh Thánh ở trong “mọi chi phái, mọi tiếng, mọi dân tộc, mọi nước” (Khải huyền 5:9; 7:9) – trọng tâm truyền giáo của Hội thánh chuyển từ khu vực *địa lý* chưa được tiếp cận sang *các dân tộc* chưa được vươn đến trên thế giới.

Chúng ta đang ở giữa kỷ nguyên thứ ba của công tác truyền giáo hiện đại. Ngày nay, một thực tế vĩ đại, đã được ghi lại trong

quyển *Quốc gia Cơ Đốc tiếp theo* của Philip Jenkins,<sup>1</sup> là trọng tâm của công tác truyền giáo đang di chuyển ra khỏi châu Âu và Hoa Kỳ về phía Nam và phía Đông. Các khu vực từng bị coi là cánh đồng truyền giáo giờ đây đã trở thành trung tâm ảnh hưởng của Cơ Đốc giáo và lực lượng sai phái giáo sĩ chủ yếu trên thế giới.<sup>2</sup>

### Ảnh hưởng của Andrew Fuller

Chúng ta sẽ không đọc thấy trong các sách lịch sử thế tục hay nghe nói trên bản tin hàng đêm, nhưng xét theo hầu hết mọi tiêu chuẩn, thì phong trào giáo sĩ hiện đại này – tức là truyền bá niềm tin Cơ Đốc đến với mọi quốc gia và hầu hết mọi dân tộc trên thế giới – là sự kiện lịch sử quan trọng nhất trong hai trăm năm qua. Stephen Neill, trong phần kết của quyển sách *Lịch sử Công tác Truyền giáo Cơ Đốc*, đã viết rằng:

Thế kỷ thứ mười tám lạnh lùng và lý trí [kết thúc với việc William Carey tiến vào Ấn Độ] hầu như không phải là một hạt giống đầy hứa hẹn cho sự phát triển của Cơ Đốc giáo; nhưng từ đó công tác giáo sĩ Cơ Đốc lại bùng nổ lớn đến nỗi chưa từng thấy trong tất cả các thế kỷ trước.<sup>3</sup>

---

1. Philip Jenkins, *Nước Cơ Đốc Tiếp theo: Sự trở lại của Cơ Đốc giáo Toàn cầu* (New York: Nhà xuất bản Đại học Oxford, 2003). Xem thêm Jenkins, *Những gương mặt mới của Cơ Đốc giáo: Tin Kinh Thánh ở Nam bán cầu* (New York: Nhà xuất bản Đại học Oxford, 2006).

2. Andrew Walls sẽ nói khác với Jenkins rằng: “Trong khi một số học giả như Philip Jenkins nhấn mạnh sự chuyển giao quyền lực từ Hội thánh ở Tây phương sang Hội thánh ở phía Nam bán cầu, thì thay vào đó, Walls lại nhìn thấy một thuyết đa trung tâm mới: sự phong phú của hàng trăm địa điểm học hỏi lẫn nhau”. “*Nhà sử học đi trước thời đại*”, *Christian Today*, Quyển 51, Số 2, tháng 2 năm 2007, trang 89.

3. Stephen Neill, *Lịch sử truyền giáo Cơ Đốc* (New York: Penguin Books, 1964), trang 571.

Vậy, làm thế nào thế kỷ 18 “lạnh lùng và lý trí” lại sinh ra phong trào giáo sĩ vĩ đại nhất trong lịch sử thế giới – một phong trào vẫn tiếp tục cho đến ngày nay, mà nếu sẵn lòng, chúng ta có thể tham gia nữa đây? Đường lối của Đức Chúa Trời cao hơn đường lối của chúng ta và sự phán xét của Ngài là khôn dò và khó hiểu (Rô-ma 11:33). Có nhiều yếu tố dẫn đến phong trào vĩ đại này mà chẳng ai biết. Tất cả những gì tôi muốn làm là thuật lại một trong số đó – chỉ là một trong mười ngàn điều Chúa đã làm để phóng thích phong trào giáo sĩ tôn cao Đấng Christ, truyền bá Phúc Âm, mở mang Hội thánh, chống cự điều ác, khuất phục quỷ Sa-tan, biến đổi văn hóa, cứu rỗi linh hồn, cướp phá địa ngục, thức tỉnh Cơ Đốc giáo, củng cố chân lý.<sup>4</sup>

---

4. Tôi đề cập đến thuật ngữ đổi mới Cơ Đốc và củng cố chân lý bởi vì trong cuộc đời của Andrew Fuller, một mặt thì có sự liên hệ qua lại giữa đời sống thuộc linh và lẽ thật Kinh Thánh, mặt khác là công tác truyền giáo. Về đời sống thuộc linh và lẽ thật Kinh Thánh thì chúng tạo điều kiện để phát triển công tác truyền giáo. Còn về công tác sai phái giáo sĩ thì đánh thức và duy trì nhiều cấp độ mới của đời sống thuộc linh, mài giũa, đào sâu và tăng cường sự hiểu biết của chúng ta về lẽ thật Kinh Thánh. Chúng ta sẽ tập trung vào phần đầu tiên của sứ điệp này, nhưng sau đây là một số cái nhìn thoáng qua về tác động của công tác truyền giáo ở trên cuộc đời của Fuller. Vào ngày 18 tháng 7 năm 1794, ông viết trong nhật ký như sau: Trong vòng một hoặc hai năm qua, chúng tôi đã thành lập một hội truyền giáo; đã được phép gửi hai người anh em của chúng ta đến Đông Ấn. Tâm lòng của tôi vô cùng hứng thú với công tác này. Tôi chưa từng yêu mến Chúa và sứ mạng của Ngài như lúc này. Tôi tạ ơn Chúa vì công tác này đã trở thành công cụ để phục hưng tâm hồn của tôi. Nếu không có kết quả từ công tác này, thì tôi và nhiều người khác làm sao được tấn tới thuộc linh như bây giờ. (Peter Morden, *Cho thế giới biết Đấng Christ* [Waynesboro, Georgia: Paternoster, 2003], trang 167)

Sáu tháng trước, ông đã viết cho John Ryland rằng: “Tôi thấy càng hầu việc Đấng Christ thì càng tốt cho tôi. Tôi chưa bao giờ tận vui như thế này ở trong Cơ Đốc giáo suốt hai năm qua, kể từ khi chúng tôi tham gia vào công tác truyền giáo. Ông Whitfield thường nói là ‘loài người càng làm hầu việc Chúa bao nhiêu thì càng làm việc bấy nhiêu’ (Cho thế giới biết Đấng Christ).

Một mặt, khi tình yêu của chúng ta dành cho Đấng Christ bùng cháy và sự hiểu biết về Phúc Âm của chúng ta trở nên rõ ràng, thì chúng ta sẽ say mê công tác truyền giáo thế giới. Mặt khác, khi chúng ta tham gia vào công tác truyền

Lý do tôi viết ngay từ đầu rằng Andrew Fuller hoàn toàn có khả năng ảnh hưởng lịch sử, cho đến thời điểm Chúa Jêsus tái lâm, sẽ càng lớn hơn và khác biệt nhiều so với hiện nay, là vì có ba tác phẩm của ông vẫn còn được tái bản, ông là một nhà thần học xuất sắc kỳ lạ. Vì thế, ngoài ảnh hưởng của ông đối với sự phát triển của công tác truyền giáo hiện đại, thì những hiểu biết sâu sắc của ông về Kinh Thánh có lẽ đã tác động tốt đến thế hệ tương lai, tất cả đều xuất phát từ một thị trấn nhỏ ít ai biết ở Kettering, Anh. Chúng ta sẽ thấy thiên tài thần học của ông khi đi ngược từ kết quả này đến nguyên nhân khác – từ việc tham gia vào phong trào giáo sĩ mới cho đến đời sống thuộc linh và thần học đã thúc đẩy phong trào đó.

### **Ích lợi lớn và mất mát lớn**

Andrew Fuller qua đời vào ngày 7 tháng 5 năm 1815, hưởng thọ 61 tuổi. Ông từng là mục sư của Hội thánh Báp-tít ở Kettering (dân số khoảng 3000 người) trong vòng 32 năm. Trước đó, ông từng là mục sư ở Soham; trước đó nữa, ông là một cậu bé lớn lên trong trang trại của cha mẹ và nhận được một nền giáo dục đơn sơ. Ông không được đào tạo thần học chính thức nhưng đã trở thành giáo sư thần học hàng đầu cho Giáo hội Báp-tít Độc lập<sup>5</sup> vào thời của mình. Thành thạo, ông bắt đầu rao giảng tại Hội thánh Soham ở

---

giáo – khi chúng ta hy sinh mạng sống mình để cứu người khác khỏi sự hư mất – đức tin của chúng ta được thử nghiệm, sự cứu rỗi của chúng ta được đảm bảo, mối liên hệ với Chúa Jêsus ngọt ngào hơn, yêu thương người khác nhiều hơn, các giáo lý về Đấng Christ, thiên đàng và địa ngục, được mài giũa sắc bén hơn. Nói cách khác, đời sống thuộc linh và giáo lý lành là cần thiết cho công tác truyền giáo, còn công tác truyền giáo là cần thiết cho đời sống thuộc linh và giáo lý lành.

5. Cụm từ Báp-tít Độc lập là một thuật ngữ kỹ thuật được lấy từ cụm từ “sự cứu chuộc cụ thể”, đây là một trong những giáo lý của Giáo hội Báp-tít theo thuyết

quê nhà vào năm 17 tuổi và cho đến năm 21 tuổi, họ gọi ông trở thành mục sư.

Một năm sau khi trở thành mục sư ở Soham, ông kết hôn với Sarah Gardiner (vào năm 1776 – là năm nước Mỹ tuyên bố độc lập khỏi Anh quốc). Trong vòng mười sáu năm trước khi người vợ qua đời, cặp vợ chồng này có 11 người con, trong đó 8 người chết khi còn nhỏ. Sarah qua đời hai tháng trước khi Hội Truyền giáo Báp-tít được thành lập tại nhà Fuller vào tháng 10 năm 1792.

Trong chức vụ thường là như thế này: ích lợi lớn nhất và mất mát lớn nhất xảy ra trong vòng hai tháng. “Ai vì có ta mất sự sống mình, thì sẽ tìm lại được” (Ma-thi-ơ 10:39). “Nếu hạt giống lúa mì kia, chẳng chết sau khi gieo xuống đất, thì cứ ở một mình; nhưng nếu chết đi, thì kết quả được nhiều” (Giăng 12:24). Fuller đã kết hôn lần thứ hai. Vào năm 1794, ông kết hôn với Ann Coles, là người sống lâu hơn ông 10 năm.

### **Một cuộc đời choáng ngợp**

Trong suốt 40 năm chức vụ ở Soham và Kettering, Fuller đã cố gắng làm rất nhiều việc tốt hơn một người có thể làm được. Ông đã cố gắng nuôi nấng gia đình, làm mục sư cho một Hội thánh, giải quyết những giáo lý sai trật đầy tai hại trong thời đại của mình bằng những bài viết không ngừng nghỉ, đảm nhiệm vai trò lãnh đạo của Hội Truyền giáo Báp-tít mà ông và một nhóm anh em đã thành lập vào năm 1792. Ông thường xuyên cảm thấy bị choáng ngợp. Năm 1801, ông đã viết trong một lá thư rằng:

[Samuel] Hối ký của Pierce hiện đang được kêu gọi rầm rộ

---

Calvin. Vì thế, Giáo hội Báp-tít Độc lập là Giáo hội Báp-tít theo thuyết Calvin, khác với Giáo hội Báp-tít chung (hoặc theo thuyết Arminus).

[nghĩa là mọi người đang kêu gọi ông viết hồi ký về bạn mình và ông đã làm như vậy]. Tôi gần như tuyệt vọng khi ngồi xuống . . . Vợ tôi nhìn rơi nước mắt nói rằng: “Anh yêu ơi, anh không có thời gian để trò chuyện với em”. Bạn bè ở nhà của tôi rất tốt bụng, nhưng họ cũng nói rằng: “Anh không có thời gian để gặp chúng tôi hoặc tìm hiểu chúng tôi, anh sẽ sớm kiệt sức đấy!” Đứng trước tất cả mọi việc này thì có câu “Hãy trở lại Scotland – đến Portsmouth – đến Plymouth – đến Bristol”.<sup>6</sup>

Một nhóm nhỏ các mục sư Báp-tít, trong đó có William Carey, đã thành lập Hội Truyền giáo Báp-tít vào ngày 2 tháng 10 năm 1792. Fuller, hơn ai hết, cảm thấy gánh nặng về việc William Carey và John Thomas (sau này là những người khác nữa) đã từ bỏ mọi thứ đến Ấn Độ, phụ thuộc vào nhóm anh em này dưới sự tể trị của Đức Chúa Trời. Một trong số họ là John Ryland đã ghi lại câu chuyện từ hình ảnh “người giữ dây thừng” nổi tiếng. Ông viết rằng Carey đã nói:

Đối với tôi, khi mới bắt đầu, cam kết của chúng tôi với Ấn Độ thực sự giống như một vài người đàn ông đang cân nhắc về tầm quan trọng của việc xâm nhập vào một khu mỏ, một nơi chưa bao giờ được khám phá, chúng tôi không có người hướng dẫn; trong khi chúng tôi cân nhắc, thì Carey đã nói “Tôi sẽ leo xuống, nếu các anh giữ sợi dây thừng”. Nhưng trước khi anh ấy leo xuống . . . đối với tôi, có vẻ như anh ấy đã thể với mỗi người chúng tôi, ngay từ miệng hổ, với ý nghĩa này: “hễ còn sống chừng nào, thì chúng tôi không được buông sợi dây thừng này ra”.<sup>7</sup>

---

6. Morden, *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 153–154.

7. *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 136.

Fuller từng là người quảng bá, nhà tư tưởng, người gây quỹ và người viết thư chính của Hội Truyền giáo trong hơn 21 năm. Ông đã giữ sợi dây đó chắc chắn hơn và tận tâm hơn bất kỳ ai khác. Ở trên, khi nói rằng trong tất cả công việc làm mục sư của mình, ông nghe thấy: “Hãy trở lại Scotland – đến Portsmouth – đến Plymouth – đến Bristol”, ý ông là nhiều Hội thánh đang mời ông đến và đại diện cho hội truyền giáo. Vì thế, ông đã đi lại liên tục để gây quỹ hỗ trợ cho công tác truyền giáo. Ông đã thường xuyên viết cho *Tạp chí Định kỳ*. Ông đã cung cấp tin tức cho *Cơ quan Đăng ký Thường niên của Báo-tít*, *Tạp chí Tin lành* và *Tạp chí Báo-tít*. Ông đảm nhận vai trò chủ đạo trong việc lựa chọn giáo sĩ mới. Ông thường xuyên viết thư cho các giáo sĩ đang làm việc trên cánh đồng và cho gia đình của họ.<sup>8</sup>

### **Làm mục sư không mệt mỏi**

Trong khi đó, dù biết rằng vai trò mục sư của mình đang gặp nhiều khó khăn. Ông không có trợ lý tại Kettering cho đến năm 1811 (John Hall), bốn năm trước khi ông qua đời. Vào tháng 10 năm 1794, ông than thở trong một lá thư gửi cho John Ryland rằng công tác truyền giáo đã ảnh hưởng đến công việc của Hội thánh như thế nào: “Tôi mong được về thăm Hội thánh của mình để biết rõ nhu cầu thuộc linh của họ và rao giảng để nâng đỡ họ”.<sup>9</sup> Tình yêu mà ông dành cho hội chúng của mình được thể hiện trong một lá thư viết cho một thành viên ương ngành mà ông đang chăm sóc:

Khi cha mẹ mất . . . một đứa con, thì không gì khác ngoài

---

8. Xem quyển *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 136–137, để có thông tin đầy đủ hơn về những cam kết của ông.

9. *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 111.

việc tìm lại đứa con ấy mới chữa lành được vết thương. Nếu cha mẹ có thêm những đứa con khác, thì vết thương ấy vẫn còn nguyên . . . Đó cũng là tấm lòng của tôi đối với anh. Không có gì ngoài việc anh quay lại với Chúa và Hội thánh mới chữa lành được vết thương trong lòng này.<sup>10</sup>

Ông nhấn mạnh phải trung tín nuôi nấng bầy chiên của mình bằng cách giảng giải Kinh thật trung tín:

Bắt đầu từ tháng 4 năm 1790, ông đã giảng liên tiếp Thi thiên, Ê-sai, Giô-ên, A-mốt, Ô-sê, Mi-chê, Na-hum, Ha-ba-cúc, Sô-phô-ni, Giê-rê-mi, Ca thương, Đa-ni-ên, A-ghê, Xa-cha-ri, Ma-la-chi, Sáng thế ký, Ma-thi-ơ, Lu-ca, Giăng, Khải huyền, Công vụ, Rô-ma và 1 Cô-rinh-tô cho đến 4:5.<sup>11</sup>

Hội chúng dường như không phản đối chức vụ khác của mục sư đối với Hội Truyền giáo. Một chấp sự trẻ đã viết vào quyển nhật ký của mình đúng hai tuần trước khi Fuller qua đời rằng:

Thật là một mất mát lớn đối với cá nhân nói riêng và Hội thánh nói chung mà hết thảy chúng ta phải gánh chịu. Một người đã dùng bánh hằng sống mà nuôi nấng chúng ta, ông là người giàu tình cảm, thật trung tín và khuyến bảo hết lòng, khích lệ, sửa trị và ủng hộ; bằng giáo lý, bằng giáo huấn và bằng tấm gương ở trước mặt những người mà

---

10. Truy cập trực tuyến tại [http://haykin.luxpub.com/index2.php?option=com\\_content&do\\_pdf=1&id=26](http://haykin.luxpub.com/index2.php?option=com_content&do_pdf=1&id=26)

11. Tom Nettles trong quyển "*Lời tựa cho ấn bản mới: Tại sao là Andrew Fuller?*" Các tác phẩm của Mục sư Andrew Fuller, Quyển 1, Joseph Belcher, (Harrisonburg, Virginia: Ấn phẩm Rắc, 1988).

ông phụ trách; ông đã sống hết mình vì người khác! Chúng ta sẽ không còn được nghe tiếng của ông nữa chẳng?<sup>12</sup>

Khi trở về nhà sau nhiều lần đi xa, cuộc đời của ông gắn liền với công việc. Người vợ thứ hai của ông là Ann từng nói rằng “ông không cho phép mình có thời gian để giải trí”. Fuller đã trả lời rằng: “Đâu có, đối với anh giải trí là thay đổi công việc”.<sup>13</sup> Con trai ông là Gunton Fuller đã ghi lại rằng thậm chí vào năm 1815, chỉ vài tháng trước khi ông qua đời, ông vẫn ngồi tại bàn làm việc “tới 12 giờ mỗi ngày”.<sup>14</sup>

### Chịu khổ cách phi thường

Đan xen vào tất cả công việc này, sự kiên trì của ông còn kinh ngạc hơn nữa, đó là sự chịu khổ phi thường, đặc biệt là trước những mất mát của ông. Ông đã mất tám người con và người vợ đầu tiên. Vào ngày 10 tháng 7 năm 1792, ông viết rằng: “Những đau buồn trong gia đình gần như lấn át mình, tôi nào biết điều gì ở phía trước! Trong khoảng một tháng qua, nỗi đau mất đi người bạn đồng hành yêu dấu thật nặng nề”. Vào ngày 25 tháng 7, “Ôi, Chúa ơi, linh hồn tôi sụp đổ! Nỗi đau khổ của gia đình dường như quá nặng nề cho tôi. Ôi, lạy Chúa, tôi bị áp bức, xin gánh thay con!”<sup>15</sup> Khi vợ ông qua đời một tháng sau đó (ngày 23 tháng 8 năm 1792), mất đi 8 người con, Fuller đã viết những dòng này:

Người mẹ hiền không còn than mất mát,

12. Morden, *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 112.

13. Truy cập trực tuyến tại [http://haykin.luxpub.com/index2.php?option=com\\_content&do\\_pdf=1&id=26](http://haykin.luxpub.com/index2.php?option=com_content&do_pdf=1&id=26)

14. Morden, *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 183.

15. *Các tác phẩm* của Mục sư Andrew Fuller, Quyển 1, trang 58–59.

Không lao nhọc thêm chồng chất trong đời;  
Hồn lo lắng, hết sợ hết khổ đau,  
Đã về nhà, với con với Chúa mình.<sup>16</sup>

---

16. *Các tác phẩm* của Mục sư Andrew Fuller, Quyển 1, trang 58–59.

## 2

### MỘT NHÀ TƯ TƯỞNG

Đó là bối cảnh của cá nhân, mục sư, giáo sĩ trong việc Fuller tiếp cận những sai trật về thuộc linh và giáo lý dưới thời của ông. Trong số tất cả hoạt động, chính những bài viết về giáo lý và gây tranh cãi đã phục vụ nhiều nhất cho mục đích truyền giáo thế giới. Hầu như tất cả sinh viên của Andrew Fuller đều đồng ý rằng ông là nhà thần học có ảnh hưởng nhất của Giáo hội Báp-tít Độc lập. Một người viết rằng: “Fuller là một nhà tư tưởng xuất sắc, không có phong trào nào tiến xa mà không có một nhà tư tưởng”.<sup>1</sup>

Điều tôi cố gắng làm là cho thấy sự gắn bó của ông với thuyết Sandeman đã phục hồi và gìn giữ một đức tin sống động như thế nào đối với công tác truyền giáo, sự tiếp cận của ông với thuyết Calvin cực đoan (hoặc ông thường gọi là *thuyết Calvin Siêu thực*) đã khôi phục và gìn giữ lối giảng luận cần thiết cho công tác truyền giáo. Trong cả hai trường hợp, cuộc chiến chủ yếu là về giải Kinh và giáo lý ngay cả khi kết quả quan trọng hơn hết lại là kinh nghiệm sâu sắc và công tác toàn cầu.

---

1. Morden, *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 137, trích dẫn E.F. Clipsham, người đang trích dẫn B. Gray Griffith.

. . .

## **Các nhà đương thời và Giáo hội Báp-tít Độc lập trong thời kỳ khai sáng**

Tất nhiên, Andrew Fuller, vừa là nhà tư tưởng vừa là nhà thần học, không xuất hiện trong chân không. Bên cạnh thuyết duy lý thế tục của David Hume (1711–1776) ở Anh, Rousseau (1712–1778) ở Pháp và Thomas Paine (1737–1809) ở Mỹ – tất cả đều là những người cùng thời với Andrew Fuller – còn có cuộc Đại Tỉnh thức ở Mỹ và Thức tỉnh Tin lành ở Anh. Cả George Whitefield (1714–1770) và John Wesley (1703–1791) đều đang ở thời kỳ đỉnh cao khi Andrew Fuller ra đời vào năm 1754.

Giáo hội Báp-tít Độc lập không thích các lãnh đạo Tin lành này. Wesley không phải là người theo thuyết Calvin, còn thuyết Calvin của Whitefield cũng bị nghi ngờ ít nhất là vì cách truyền đạo của ông. Giáo hội Báp-tít Độc lập đã chế nhạo “cách nói kiểu Arminian” của Whitefield.<sup>2</sup> Fuller lớn lên vào cái thời mà ông gọi là *thuyết Calvin Siêu thực – hay thuyết Calvin Cực đoan*. Sau đó, ông nói rằng mục sư Hội thánh ở Soham (John Eve) “nói rất ít hoặc chẳng có gì để nói với những người chưa cải đạo”.<sup>3</sup> Thành tựu thần học lớn nhất của Fuller là nhìn thấy, bênh vực và truyền bá sự thật về thuyết Calvin theo Kinh Thánh trong lịch sử đã hoàn toàn đón nhận tiếng gọi của Phúc Âm dành cho tất cả mọi người, không ngoại trừ ai cả.

Fuller đắm mình trong Kinh Thánh và trong truyền thống lịch sử bắt nguồn từ Augustine đến Calvin rồi đến các nhà Thanh giáo xuống tới thời của Jonathan Edwards. Kinh Thánh luôn nói rằng: “Lạy Chúa, Ngài đã ban cho con quyết tâm không tuân theo

---

2. *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 20.

3. *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 27.

nguyên tắc nào nữa; nhưng hết lòng tìm kiếm mọi thứ tại nguồn suối thuần khiết của lời Chúa”.<sup>4</sup> Đó là một trong những lý do chính vì sao tài liệu của Fuller vẫn còn hữu ích đến ngày hôm nay: Ông nói về Kinh Thánh thật là mới mẻ.

### Những cố vấn vĩ đại của ông

Nhưng ông rất cởi mở về người cố vấn tuyệt vời của mình. Chúng ta nên biết họ là ai. Ông tìm kiếm Kinh Thánh và kể cả lịch sử về giáo lý để xem thử có tìm thấy thuyết Calvin Siêu thực đã lây nhiễm và kiểm soát hệ phái của mình hay không – tức là quan điểm phản đối việc truyền bá Phúc Âm cho tất cả mọi người và cho rằng những người chưa được tái sinh không có nghĩa vụ tin Chúa Jê-sus, vì thế cho nên người ta không cần phải cho họ biết những điều họ không có nghĩa vụ phải làm. Đó là lý luận của thuyết Calvin Cực đoan.<sup>5</sup> Fuller đã đi đến kết luận này:

---

4. Các tác phẩm, Quyển 1, trang 20.

5. Hai tác giả có ảnh hưởng nhất đại diện cho thuyết Calvin Siêu thực – ít ra là những người có ảnh hưởng nhất đến Giáo hội Báp-tít Độc lập – là John Brine (1703–1765) và John Gill (1697–1771). Morden nhận xét rằng Timothy George và những người khác đã cố gắng phục hồi Gill và bác bỏ cáo buộc nói ông ta là người theo thuyết Calvin Cực đoan rằng: “nhưng nỗ lực bảo vệ ông ta khỏi cáo buộc theo thuyết Calvin Cực đoan cuối cùng đều không thành công” (*Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 15).

Một trích dẫn minh họa thái độ của John Gill đối với việc rao truyền Phúc Âm miễn phí là: “Tôi hoàn toàn phủ nhận sự ban cho ân điển và sự cứu rỗi dành cho tất cả mọi người; không, tôi phủ nhận rằng những điều đó được ban cho ai cũng được; không, không phải là những kẻ được Chúa tuyển chọn; ân điển và sự cứu rỗi được ban cho họ trong giao ước đời đời, Đấng Christ đã chuộc điều đó cho họ, được tỏ ra trong Phúc Âm và được Thánh Linh hành động”. John Gill, *Những bài giảng và truyền đơn*, Ba Quyển (Luân Đôn: 1778), Quyển 3, trang 269–270, trích dẫn từ Morden, *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 14.

Bản thân Fuller chắc chắn xem Gill là một người theo thuyết Calvin Siêu thực phần lớn chịu trách nhiệm cho sự chết chóc trong công tác truyền giáo giữa những người theo Giáo hội Báp-tít Độc lập của ông ta rằng: “Tôi thấy . . . hệ

Cả Augustine lẫn Calvin, là những người vào thời của họ đã bênh vực về sự tiền định lẫn các giáo lý khác liên quan đến vấn đề này, dường như chưa bao giờ nghĩ đến việc phủ nhận nghĩa vụ của tội nhân đã nghe Phúc Âm là ăn năn và tin nhận Đức Chúa Jê-sus Christ. Theo tôi biết về các tác phẩm của các nhà Cải Chánh khác, các nhà Thanh giáo của thế kỷ 16, các thánh đồ tại Thượng hội đồng Dort, (những người phản đối Arminius) cũng như bất kỳ người nào bị gọi là lập dị vào thế kỷ 17 cũng không phủ nhận điều đó, nên tôi do dự về chủ đề này.<sup>6</sup>

John Calvin đóng vai trò tương đối nhỏ trong việc trực tiếp định hình tư duy của Fuller. Ông say mê nghiên cứu các nhà Thanh giáo và trích dẫn rất nhiều từ Charnock, Goodwin, Bunyan và Owen hơn là từ Calvin.<sup>7</sup> Trên thực tế, bằng lời lẽ của mình, John Owen được đánh giá cao nhất trong số tất cả nhà văn đã ảnh hưởng đến ông. “Tôi chưa gặp bất kỳ điều gì quan trọng đáng bị chê trách ở trong các tác phẩm của ông ta; hơn nữa, *tôi không biết có nhà văn nào được tôi quý trọng đến như vậy*”.<sup>8</sup>

### Ảnh hưởng của Jonathan Edwards

Nhưng ngay cả khi ông quý trọng Owen hơn tất cả những người khác, hầu hết người nào nghiên cứu các tác phẩm của Fuller đều

---

thống của Bunyan không giống với hệ thống của [John Gill]; vì khi ông dạy dỗ các giáo lý tuyển chọn và tiền định, ông vẫn giữ quan điểm sự cứu rỗi dành cho tội nhân mà không phân biệt gì hết” (Morden, *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 31).

6. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 367.

7. Ông chỉ trích dẫn từ Calvin một lần trong ấn bản đầu tiên của quyển sách có ảnh hưởng nhất là *Sự Cao cả của Phúc Âm*. Morden kết luận rằng: “Không có mối liên hệ trực tiếp nào giữa các bài viết của Calvin và quyển sách *Sự Cao cả của Phúc Âm*”. Morden, *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 35.

8. *Các tác phẩm*, Quyển 1, trang 39. Nhấn mạnh thêm.

đồng ý rằng Jonathan Edwards là người có ảnh hưởng quyết định nhất trong việc giúp ông thoát khỏi những gốc rễ của thuyết Calvin Cực đoan.<sup>9</sup> Fuller thừa nhận rằng, ngoài Kinh Thánh ra, thì Edwards chính là người đã cung cấp chìa khóa để mở cửa giúp ông thoát khỏi lý luận của thuyết Calvin Cực đoan. Chúng ta sẽ thấy điều này rất đúng với thuyết Sandeman và những tranh cãi về thuyết Calvin Cực đoan.

David Bebbington nói rằng Jonathan Edwards “đứng ở đầu nguồn” của Tin lành vào thế kỷ 18.<sup>10</sup> Điều này cũng đúng với Andrew Fuller. Để chúng ta biết rõ cảm nhận của ông về Edwards – mười ngày trước khi Fuller qua đời vào ngày 7 tháng 5 năm 1815, ông đã viết một lá thư cho John Ryland, một trong những người đã cùng ông thành lập hội truyền giáo. Mục đích của lá thư là để bênh vực cho Jonathan Edwards:

Chúng tôi đã nghe một số người gần đây cho rằng “nếu Sutcliff và một vài người khác rao giảng nhiều hơn về Đấng Christ và ít nói về Jonathan Edwards đi, thì họ sẽ hữu ích hơn”. Nếu những người nói như thế có thể giảng về Đấng Christ bằng một nửa những gì Jonathan Edwards đã làm và có thể hữu ích bằng một nửa của ông ấy, thì sự hữu ích của họ sẽ nhân lên bội phần.<sup>11</sup>

### **Quyển sách *Ý chí Tự do* của Edwards**

---

9. Hầu hết mọi người đều đồng ý rằng Edwards là “người có ảnh hưởng mạnh mẽ và quan trọng nhất” đối với Fuller. Morden, *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 49.

10. David Bebbington, *Tin lành ở nước Anh Hiện đại: Lịch sử từ những năm 1730 đến những năm 1980* (Luân Đôn: Unwin Hyman, 1989), trang 6.

11. *Các tác phẩm*, Quyển 1, trang 101.

Fuller ra đời vào năm 1754, bốn năm trước khi Jonathan Edwards qua đời, đồng thời cũng là năm Edwards xuất bản quyển sách có sức ảnh hưởng lớn của mình là *Ý chí Tự do*. Tôi đề cập quyển sách về ý chí của Edwards vì trong đó Fuller đã tìm thấy một trong những chìa khóa để cứu ông thoát khỏi ngục tù của của thuyết Calvin Cực đoan phi Kinh Thánh.

Lập luận theo thuyết Calvin Cực đoan theo lời của Andrew Fuller như sau:

Thật là vô lý và tàn nhẫn khi yêu cầu một người phải thực hiện một việc vượt quá khả năng của người đó; Kinh Thánh cũng nói rằng: “Nếu Cha không kéo đến thì không ai được đến cùng Đấng Christ”, còn nói nữa rằng: “Con người tự nhiên không nhận được những điều thuộc về Thánh Linh của Đức Chúa Trời, họ cũng không thể biết những điều đó, bởi vì những điều đó phải có sự phân biệt thuộc linh”, người ta kết luận đây là những điều tội nhân chưa được tái sinh không có nghĩa vụ phải làm.<sup>12</sup>

Fuller nói rằng: “Đó là một loại cách ngôn đối với những kẻ như thế, ‘không ai có nghĩa vụ thuộc linh hết, ngoại trừ những người thuộc linh’”.<sup>13</sup> Kết luận thực tế mà họ rút ra là niềm tin nơi Đấng Christ không phải là nghĩa vụ của những người không được tuyển chọn. Đó không phải là nghĩa vụ của những người chưa được tái sinh. Ví thế, chúng ta không được kêu gọi người ta tin Chúa cách bừa bãi. Chúng ta không được đứng trước một nhóm người – dù ở Anh hay Ấn Độ – và nói rằng: “Hãy tin Đức Chúa Jêsus Christ!” Chúng ta không bao giờ khuyên răn, nài xin, kêu gọi, ra lệnh, thúc giục.

---

12. *Các tác phẩm*, Quyển 1, trang 376.

13. *Các tác phẩm*, Quyển 2, 360.

. . .

### Chống lại những kẻ theo thuyết Calvin Cực đoan

Một trong những nhà phê bình về Fuller là John Martin, một mục sư tại Grafton Street, Westminster đã viết rằng:

Theo ý kiến của tôi, tội nhân thường được cải đạo thường xuyên hơn, còn người tin Chúa thường được gây dựng nhiều hơn, nhờ câu chuyện có thật về Đức Chúa Jê-sus Christ và tuyên bố rõ ràng, mạch lạc về giáo lý ân điển, phước hạnh của Phúc Âm, sau đó là tất cả kỳ vọng và nhận xét đã từng được phát minh ra.<sup>14</sup>

Nhưng trên thực tế, những người theo thuyết Calvin Cực đoan không thích kể lại câu chuyện Phúc Âm cho người hư mất và phản đối công tác truyền giáo đến Ấn Độ. Peter Morden chỉ ra rằng: “Sự lan tràn của thuyết Calvin Siêu thực không chỉ dẫn đến việc từ chối ‘chia sẻ về Đấng Christ’, mà còn dẫn đến việc nghi ngờ tất cả ‘phương tiện’ của loài người, chẳng hạn như đào tạo và cộng tác trong mục vụ”.<sup>15</sup> Hậu quả của những lập luận đầy xuyên tạc đối với thuyết Calvin theo Kinh Thánh là các Hội thánh không còn sức sống<sup>16</sup> và hệ phái Báp-tít Độc lập đang chết dần.

Fuller, người chỉ biết đến thuyết Calvin Cực đoan vào thời kỳ đầu làm chức vụ đã nói, vào năm 1774, rằng: “Tôi . . . trong vài

14. Trích trong Morden, *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 57.

15. Morden, *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 45

16. Một thí dụ về sự suy sụp của thuyết Calvin Siêu thực được thấy trước nhất là Whitefield và Wesley bị buộc tội “quá nhiệt thành” một cách mơ hồ và sai trật vì đã có sự phản kích, thứ hai là John Gill, trong quyển *Giáo lý Chính thống và Thần tính Thực tiễn*, đã nói rằng niềm vui thuộc linh “không được người đó thể hiện ra; tốt là dừng lại ở kinh nghiệm chứ đừng bày tỏ”. *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 20.

năm, không thể kêu gọi những người chưa cải đạo đến với Chúa Giê-sus”.<sup>17</sup> Ông tiếp tục nói rằng: “Tôi cho rằng hiếm có mục sư nào trong số chúng ta không bị ảnh hưởng bởi hệ thống ngu lịm của thời đại trong công tác giảng luận”.<sup>18</sup> Cái giá phải trả là rất lớn: trong bốn mươi năm sau năm 1718; Giáo hội Báp-tít Độc lập đã giảm từ 220 Hội thánh xuống còn 150 Hội thánh.<sup>19</sup>

### **Một “đảm bảo của đức tin”?**

Nếu chúng ta hỏi rằng: Làm thế nào người được cứu rỗi ở dưới một hệ thống như thế này? Câu trả lời là đôi khi Đức Chúa Trời ban cho một điều mà họ gọi là “đảm bảo của đức tin”. Nghĩa là sẽ có một vài dấu hiệu mà Đức Thánh Linh làm ra để cho thấy những người đó đã được tái sinh, được tuyển chọn và có sự “đảm bảo” để tin Chúa. Thí dụ, họ đã tin rằng Đức Chúa Trời làm cho một câu Kinh Thánh nào đó xuất hiện trong trí của một người. Điều này đã xảy ra với Fuller lúc 13 tuổi (với Rô-ma 6:14), ông cũng tưởng mình đã được cứu trong một thời gian dài. Nhưng kinh nghiệm này đã bị hủy bỏ.<sup>20</sup>

Những điều Fuller nhận ra đó là thuyết Calvin Cực đoan đã thay đổi ý nghĩa về niềm tin từ việc tập trung một đối tượng khách quan và những lời hứa của Đấng Christ sang trạng thái chủ quan ở trong lòng của loài người. Nói cách khác, đức tin cứu rỗi trở thành đức tin khi tôi kinh nghiệm công tác tái sinh của Đức Chúa Trời – tức là đức tin mà tôi được tuyển chọn. Hoặc, như Fuller nói rằng

---

17. Trích dẫn từ tiểu sử của John Ryland trong quyển *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 103.

18. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 387.

19. Hiện đại, *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 8.

20. *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 28.

những người theo thuyết Calvin Cực đoan đã nói rằng đức tin là “tin vào trạng thái tốt đẹp của họ”. Về điều này, ông đã trả lời rằng:

Nếu đây là đức tin cứu rỗi thì chắc chắn phải tuân theo quy tắc: tội nhân chưa được cải đạo không có nghĩa vụ gì cả; vì họ không quan tâm đến Đấng Christ [tức là họ chưa hiệp nhất với Ngài], nên họ không có nghĩa vụ tin vào lời dối trá. Nhưng nếu chứng minh được mục tiêu đúng đắn của đức tin cứu rỗi không phải là chúng ta quan tâm đến Đấng Christ [tức là chúng ta đã hiệp nhất với Ngài], mà mục tiêu là Phúc Âm vinh hiển của Đức Chúa Trời, (điều đó đúng, cho dù chúng ta tin hay không), thì phải có một suy luận ngược lại; vì mọi người đều thừa nhận rằng nghĩa vụ của mỗi người là tin vào những điều Đức Chúa Trời mặc khải.<sup>21</sup>

### **Trên thực tế, Fuller tiếp tục chứng minh rằng**

Không gì trở thành đối tượng của niềm tin, ngoại trừ những điều Đức Chúa Trời đã mặc khải trong lời của Ngài; nhưng sự quan tâm mà bất kỳ cá nhân nào dành cho Đấng Christ . . . thì không được tiết lộ . . . Kinh Thánh luôn bày tỏ đức tin nhắm đến một điều [ở ngoài] chúng ta; cụ thể là Đấng Christ và những chân lý nói về Ngài . . . Thân vị, huyết và sự công bình của Đấng Christ được mặc khải trong Kinh Thánh là cách để tội nhân được Đức Chúa Trời xưng công bình, nói chính xác hơn thì đó là những đối tượng cho niềm tin của chúng ta; vì nếu không có sự mặc khải thì làm sao tin được . . . Những điều một người phải đặt lòng tin cậy

---

21. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 333.

vào Chúa chẳng qua là nhờ ơn thương xót mà được, tức là khi người đó cầu xin thì mới được nhận lãnh. Điều này đã được đảm bảo trong lời tuyên bố của Phúc Âm rồi.<sup>22</sup>

Nói cách khác, chúng ta không nên nói với những người chưa tin Chúa rằng: Hãy đợi cho đến khi quý vị có sự đảm bảo của đức tin thì mới được tin cậy. Đúng hơn, chúng ta nên nói rằng: “Đấng Christ là Con Đức Chúa Trời vinh hiển. Sự chết và sự sống lại của Ngài đủ để che đậy mọi tội lỗi của quý vị.<sup>23</sup> Chúa hứa sẽ tiếp nhận tất cả người nào đến cùng Ngài và Chúa hứa sẽ tha thứ cho hết thảy người nào tin cậy Ngài. Vậy, hãy đến cùng Ngài và tin cậy Ngài thì chúng ta sẽ được cứu. Nếu chúng ta thắc mắc không biết mình có được chọn hoặc được tái sinh chưa, thì hãy ngừng thắc mắc và làm theo những điều Đấng Christ đã truyền cho chúng ta. Hãy tiếp nhận Ngài, tin cậy Ngài, phó mình cho Ngài vì Chúa đã hứa sẽ thương xót chúng ta. Chúng ta sẽ biết chắc mình có được chọn và được tái sinh hay không”.

---

22. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 334, 340, 342.

23. Về sự đền tội, Fuller một lần nữa thấy mình đang bênh vực Kinh Thánh chống lại những kẻ theo thuyết Calvin Siêu thực và những kẻ theo thuyết Arminius, cả hai đều nghĩ rằng “sự đền tội giới hạn” đã khiến Phúc Âm miễn phí cho mọi người trở nên phi lý. Quan điểm của ông cho rằng sự chết của Đấng Christ không thể hiểu theo hướng “thương mại” được, giống như số người được cứu có giới hạn nên những người khác tin Chúa thì không được chuộc tội vậy.

Mặt khác, nếu sự đền tội của Đấng Christ được thực hiện không dựa trên nguyên tắc thương mại mà dựa trên sự công bình về mặt đạo đức, hoặc làm sạch tội lỗi – nếu mục tiêu lớn lao của sự đền tội là để cho thấy Đức Chúa Trời ghét tội lỗi (Rô-ma 8:3) nên mới bày tỏ lòng thương xót tùy vào sự khôn ngoan tối thượng của Ngài, tương xứng với sự công bình (Rô-ma 3:25) – nếu sự đền tội này có nghĩa là cứu rỗi cả thế giới, thì cả thế giới có tiếp nhận không – và nếu điều kỳ lạ không phải là sự đền tội không thể cứu rỗi nhiều hơn số lượng giới hạn được cứu, mà tùy vào sự ban cho của quyền tối thượng – thì không thể làm mâu thuẫn sự đền tội như vậy được. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 373–374. Nhấn mạnh được thêm vào.

# 3

## MỘT NGƯỜI TIN VÀO THUYẾT CALVIN

Fuller là một người tin vào thuyết Calvin. Ông nói: “Kinh Thánh mô tả rõ ràng cả sự ăn năn và đức tin ở bất kỳ chỗ nào có tác động từ thiêng thượng [thí dụ: 2 Ti-mô-thê 2:25-26; Ê-phê-sô 2:8]”. Ông tin vào ân điển không thể cưỡng lại được. Nhưng điều ông phản đối là người ta phải biết trước khi tin rằng mình đang được kêu gọi hoặc tái sinh bằng ân điển không thể cưỡng lại được:

Mặc dù cần phải có sự thay đổi ở trong lòng [một người tin Chúa], thì người đó vừa không cần và cũng không thể ý thức được điều đó cho đến khi tin Chúa. Điều cần thiết là đôi mắt của người mù phải được mở ra trước khi người đó có thể nhìn thấy; nhưng người đó không cần và cũng không thể biết mình được sáng mắt cho đến khi mở mắt ra.<sup>1</sup>

---

1. Nói cách khác, sự đền tội có giới hạn không phải là không thể cứu rỗi tất cả tội nhân trong thế gian, mà tùy vào ý định của Đức Chúa Trời mà cứu rỗi cho những kẻ mà Chúa đã tuyển chọn.

Vì sự cứu chuộc được lèo lái bởi sự khôn ngoan tối thượng, cũng như các biến cố khác, nên sự cứu rỗi là kết quả từ ý định ấy. Điều gì đã được định trước

Fuller kiên quyết từ chối để cho lô-gíc theo thuyết Calvin hoặc thuyết Arminius lấn át những gì ông thấy trong Kinh Thánh. Trớ trêu thay, thuyết Calvin Cực Siêu thực và thuyết Arminius lại đứng trên cùng một lô-tíc giả tạo chống lại Kinh Thánh. Cả hai đều cho rằng thật vô lý và tàn nhẫn khi yêu cầu một người làm một việc vượt quá khả năng của mình. Hoặc nói theo cách của Fuller là:

Họ đồng ý coi ân điển của Đức Chúa Trời là cần thiết đối với việc tội nhân phải chịu trách nhiệm về sự vâng phục thuộc linh. Một [Thuyết Calvin Siêu thực] cầu xin những tội nhân vô duyên được thoát khỏi nghĩa vụ, [Thuyết Arminian] kia thừa nhận nghĩa vụ nhưng đặt nền tảng nó dựa trên khái niệm về ân sủng phổ quát. Cả hai đều đồng ý rằng ở đâu không có ân sủng thì không có nghĩa vụ. Nhưng nếu ân sủng là nền tảng của nghĩa vụ thì đó không còn là ân sủng nữa mà là nợ nần.<sup>2</sup>

---

thì sẽ được làm cho hoàn thành. Bởi vậy, sự cứu rỗi của những kẻ được cứu rỗi được mô tả là ý định của Cứu Chúa: “Đấng liệu mình vì chúng ta, để chuộc chúng ta khỏi mọi tội và làm cho sạch, đặt lấy chúng ta làm một dân thuộc riêng về Ngài, là dân có lòng sốt sắng về các việc lành”. Câu Kinh Thánh này cho thấy sự kỳ lạ của sự cứu chuộc. Không có sự mâu thuẫn nào giữa ý định kỳ diệu trong sự chết của Đấng Christ và nghĩa vụ toàn cầu của những kẻ nghe thấy Phúc Âm để tiếp nhận Chúa, hoặc lời kêu gọi phổ quát được tỏ ra cho họ. *Các tác phẩm*, trang 374.

Với quan điểm này, cũng như ở nhiều chỗ khác, ông đã đứng cùng với người cổ vấn đây quyết đoán của mình là Jonathan Edwards trong quyển *Ý chí Tự do*, Đấng Christ đã chết thay cho tất cả mọi người, để cứu chuộc tất cả Cơ Đốc nhân hữu hình, Ngài chịu chết thay cho cả thế giới; tuy nhiên, phải có điều gì đó đặc biệt trong sự chết của Ngài đối với những kẻ được cứu. Đức Chúa Trời có kế hoạch cứu rỗi một số lượng nhất định tùy theo kế hoạch đúng đắn và tuyệt đối của Ngài, chỉ một số lượng nhất định mà thôi; vì thế, một kế hoạch như vậy chỉ có Đức Chúa Trời mới thực hiện để cứu rỗi loài người. Jonathan Edwards, *Ý chí Tự do*, trong *Các tác phẩm của Jonathan Edwards*, Quyển 1, soạn bởi Paul Ramsey (New Haven: Nhà xuất bản Đại học Yale, 1985, 435. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 383.

2. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 379.

Ông nói: “Toàn bộ sức nặng của sự phản đối này dựa trên giả định rằng chúng ta không cần đến Chúa Thánh Thần để giúp chúng ta tuân thủ nghĩa vụ của mình”.<sup>3</sup> Nói cách khác, cả những người theo thuyết Calvin Cao cấp và những người theo thuyết Arminians đều từ chối lời cầu nguyện của Thánh Augustine, “Hãy ra lệnh những gì bạn muốn, nhưng hãy đưa ra những gì bạn ra lệnh”.<sup>4</sup> Nhưng Fuller nói: “Đối với tôi, dường như sự cần thiết của ảnh hưởng thiêng liêng, và thậm chí cả sự thay đổi trong lòng, trước khi tin, hoàn toàn phù hợp với việc đó là nghĩa vụ trước mắt của người chưa được tái sinh”.<sup>5</sup> Tại sao? Bởi vì Kinh Thánh đã chứng minh điều đó là đúng, và Jonathan Edwards đưa ra những phạm trù giúp hiểu được điều đó. Về chứng tá Kinh Thánh, ông viết:

*Những điều tương tự được yêu cầu ở nơi này nhưng được hứa ở nơi khác: 'Chỉ kính sợ Chúa và hết lòng phục vụ Ngài trong sự chân thật.' – 'Ta sẽ đặt vào lòng chúng nỗi sợ hãi rằng chúng sẽ không rời xa Ta.' Khi các tác giả thánh nói về các giới răn thiêng liêng, họ không phủ nhận cũng không suy luận rằng chúng có sự tự mãn để tuân theo, nhưng biến chúng thành lời cầu nguyện: 'Chúa đã truyền cho chúng con phải siêng năng tuân giữ các giới răn của Chúa. Ôi ước chi đường lối của tôi đã được hướng dẫn để tuân giữ các luật lệ của Chúa!' Nói tóm lại, Kinh Thánh đều dạy chúng ta rằng tất cả khả năng làm điều lành hoặc tránh điều dữ đều đến từ trên cao; do đó, sự ăn năn và đức tin có thể là những bổn phận, mặc dù chúng là sự ban cho của Đức Chúa Trời.<sup>6</sup>*

3. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 379.

4. *Thủ nhận*, dịch bởi R.S. Pine-Coffin (New York: Penguin, 1961), trang 40 (X, xxxix).

5. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 381.

6. *Các tác phẩm*, trang 380. “Nếu chúng ta không đòi hỏi bản thân mình phải có

. . .

### Bất lực bẩm sinh và bất lực về đạo đức

Trong tác phẩm nổi tiếng nhất của mình, *Sự Cao cả của Phúc Âm*, Fuller xếp chồng bản văn này lên bản văn khác để chỉ ra người chưa tin Chúa có nghĩa vụ cần phải tin Chúa.<sup>7</sup> Đây là phiên tòa phúc thẩm cuối cùng của ông chống lại những kẻ theo thuyết Calvin Siêu thực, những kẻ lợi dụng lô-gíc để tuyên bố những tiền đề trong Kinh Thánh trở thành những kết luận phi Kinh Thánh. Nhưng ông thấy Edwards đã phản đối những kẻ theo thuyết Calvin Siêu thực ở một cấp độ khác rất hữu ích. Hãy nhớ rằng, lời phản đối là: “Thật vô lý và tàn nhẫn khi yêu cầu người ta thực hiện những điều vượt quá khả năng của họ”. Nói cách khác, một người không có khả năng để tin Chúa thì không có trách nhiệm tin Chúa (và nghĩa vụ của chúng ta là truyền dạy đức tin cho họ). Để đáp lại phản đối này, Fuller đưa ra sự khác biệt giữa bất lực đạo đức và bất lực bẩm sinh. Đây là sự hiểu biết sâu sắc quan trọng mà ông đã học được từ Jonathan Edwards, ông ghi nhận điều đó ở trang thứ ba của quyển sách *Sự Cao cả của Phúc Âm*.<sup>8</sup>

---

một tấm lòng ngay thẳng ở trước mặt Đức Chúa Trời và loài người, thì không thể đòi hỏi điều gì cả; vì mọi nghĩa vụ đều xuất phát từ phản ứng của tấm lòng”. *Các tác phẩm*, trang 382.

7. Xem *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 343–366, giải thích hầu hết các bản văn này. Thí dụ, hãy xem Thi thiên 2:11–12; Ê-sai 55:1–7; Giê-rê-mi 6:16; Giảng 12:36; Giảng 6:29; 5:23. Ông tự cho mình đứng cùng hàng ngũ với John Owen là người đã viết rằng: “Khi sứ đồ nài xin chúng ta hãy ‘làm hòa’ với Đức Chúa Trời, thì tôi biết điều này có phải là một phần nghĩa vụ mà mình phải vâng phục hay không? Nếu không thì khao khát ấy chỉ là phù phiếm và vô ích”. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 353.

8. Đề cập về bản thân là người thứ ba với tư cách là tác giả, ông viết rằng: “Ông ấy đã đọc và cân nhắc, trong khả năng có thể, nghiên cứu của Chủ tịch Edwards đã trở thành quyển sách Ý chí Tự do . . . về sự khác biệt giữa sự bất lực tự nhiên và đạo đức. Ông thấy rất hài lòng về sự khác biệt vì sự nghiên cứu đã có bằng

Sự khác biệt là như sau: Sự bất lực bẩm sinh là do thiếu “khả năng lý trí, sức mạnh cơ thể hoặc lợi thế bề ngoài”; nhưng bất lực đạo đức là do thiếu khuynh hướng vì ý chí không muốn. Trên thực tế, bất lực bẩm sinh đã loại bỏ nghĩa vụ. Ông trích dẫn Rô-ma 2:12 để chỉ ra lẽ thật này: “Phàm những kẻ không luật pháp mà phạm tội, cũng sẽ không luật pháp mà hư mất; còn những kẻ có luật pháp mà phạm tội, thì sẽ bị luật pháp đoán xét”. Nói cách khác, có một sự tương quan giữa những điều chúng ta phải chịu trách nhiệm và những điều chúng ta có quyền truy cập tự nhiên. Nhưng sự bất lực về mặt đạo đức không bào chữa được. Nó không loại bỏ nghĩa vụ. Đây là loại bất lực mà Kinh Thánh có nói rằng: “Vả, người có tánh xác thịt không nhận được những sự thuộc về Thánh Linh của Đức Chúa Trời; bởi chưng người đó coi sự ấy như là sự rở dại, và không có thể hiểu được, vì phải xem xét cách thiêng liêng” (1 Cô-rinh-tô 2:14; xem Rô-ma 8:8).

*Có một khác biệt cơ bản [Fuller viết] giữa một khả năng độc lập khỏi khuynh hướng và một khả năng không lệ thuộc vào điều gì cả. Không nghi ngờ gì nữa, không ai có thể làm điều mà mình không có tâm trí để làm, cũng như thực hiện những điều vượt quá khả năng tự nhiên của mình; do đó, các thuật ngữ giống nhau được sử dụng trong trường hợp này cũng như trong trường hợp khác.<sup>9</sup>*

Nói cách khác, chúng ta không thể chọn thực hiện những điều mà mình không có khuynh hướng để làm, cũng như thực hiện những việc mà chúng ta không có thể chất để làm. Nhưng sự bất

---

chúng – tức là dẫn chứng Kinh Thánh cách rõ ràng và đầy đủ . . . Ông càng tra xét Kinh Thánh, ông càng tin chắc rằng mọi sự bất lực của loài người, liên quan đến việc niềm tin, đều phát xuất từ những điều lầm lạc mình đã nghe được”. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 330.

9. *Các tác phẩm*, trang 377.

lực do trở ngại về thể chất có thể chữa được, còn bất lực về ý chí nổi loạn thì không.<sup>10</sup> Lý luận như thế không phải là lý do chính khiến Fuller bác bỏ thuyết Calvin Siêu thực và thuyết Arminius. Kinh Thánh đã làm vậy. Nhưng cách phân loại của Edwards đã giúp ông hiểu rõ hơn những điều mình đã thấy.

### Hiệu quả thiết thực cho công tác truyền giáo

Kết luận quan trọng nhất từ tất cả giải thích, giáo lý, thần học và tranh cãi này là ý nghĩa thực tế to lớn đối với Tin lành và công tác truyền giáo thế giới:

*Tôi tin rằng nhiệm vụ của từng người hầu việc Đấng Christ là rao giảng Phúc Âm cách rõ ràng và trung thực cho những ai chịu nghe; vì tôi tin rằng con người không có khả năng [làm] các việc thuộc linh để hoàn thiện đạo đức, cũng như xóa sạch tội lỗi – mà nghĩa vụ của họ là kính yêu Đức Chúa Jêsus Christ và tin cậy Ngài để được cứu rỗi, mặc dù họ không làm vậy; vì thế, tôi tin rằng những bài giảng trang nghiêm và tự do, những lời kêu gọi và những cảnh báo dành cho họ, không chỉ nhất quán mà còn được dùng làm công cụ trong tay Thánh Linh của Đức Chúa Trời, để dẫn họ đến với Đấng Christ. Tôi xem đó là một phần nghĩa vụ của*

---

10. “Theo cấu tạo tự nhiên của mình, một người tuyệt đối không thể hiểu, hoặc tin, hoặc yêu một chân lý nào đó được, người đó cũng không thể nhắm mắt làm ngơ, không tin, bác bỏ hoặc ghét lẽ thật. Nhưng rõ ràng là tất cả mọi người đều có khả năng làm được về sau; vì thế, không gì ngoại trừ tấm lòng bại hoại mới khiến họ không có khả năng làm được về đầu”. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 378.

*mình mà tôi không thể bỏ qua vì sợ mắc nợ huyết vô tội của các linh hồn.*<sup>11</sup>

Sự dự phần của Fuller ở mức độ nghiêm túc về mặt trí tuệ này, với tư cách là một mục sư và một người đàn ông của gia đình, có vẻ như bị đặt sai chỗ. Hội thánh và gia đình của ông phải trả giá đắt. Nhưng kết quả ở trong thế gian lại to lớn khôn lường. Không ai khác ở phía chân trời có thể giáng một đòn vào chống lại sự phá hủy Hội thánh, cản trở công tác truyền giáo, thuyết Calvin Siêu thực. Fuller đã làm điều đó, nền tảng thần học được thiết lập để khai triển phong trào giáo sĩ lớn nhất thế giới.

### **Chống lại thuyết Sandeman**

Trước khi rút ra một số bài học cho chính mình, tôi muốn đề cập ngắn gọn đến sự dự phần của Fuller với thuyết Sandeman. Đáp ứng của Fuller đối với phong trào tri triệ này là một phần nền tảng cho phong trào giáo sĩ vào thời của ông, thật đáng kinh ngạc là điều này vẫn còn thích hợp cho thời đại của chúng ta vì có liên quan đến nhiều cuộc tranh luận về bản chất của việc được xưng công bình bởi đức tin. Một lần nữa, Fuller có được sự hiểu biết dứt khoát của mình trong cuộc tranh luận này từ Jonathan Edwards.

Robert Sandeman (1718–1771) truyền bá sự dạy dỗ về sự xưng công bình bởi đức tin là trạng thái thụ động của tâm trí bị thuyết phục bởi chân lý của Phúc Âm. Đây là cách Andrew Fuller diễn giải thuyết Sandeman này. Ông nói các dấu hiệu phân biệt của hệ thuyết này liên quan đến bản chất của sự xưng công bình bởi đức tin.

---

11. Morden, *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 106.

Ông S. [Sandeman] này liên tục đại diện cho niềm tin trần trụi vào lẽ thật trần trụi; về mặt định nghĩa, có vẻ như ông ta dự định loại trừ đức tin khỏi mọi thứ liên quan đến ý chí và cảm xúc, ngoại trừ những tác động do niềm tin ấy tạo ra . . . Ông nói rằng: ‘Người nào có được khái niệm chính đáng về con người và công tác của Đấng Christ, hoặc khái niệm của họ phù hợp với những lời chứng về Ngài, đều được xưng công bình và tìm được sự bình an với Đức Chúa Trời nhờ có khái niệm đó’.

Ông ấy cho rằng khái niệm này là tác động của chân lý đã gây ấn tượng trong tâm trí, phủ nhận tâm trí không có sự chủ động trong việc này. Ông nói rằng: ‘Người nào cho rằng chúng ta chỉ được xưng công chính bởi đức tin, đồng thời khẳng định . . . rằng đức tin là việc làm của tâm trí con người, thì chắc chắn khẳng định rằng mọi lời nói ra của người đó đều có chủ ý, nên chúng ta được xưng công bình bởi việc làm của tâm trí con người’.<sup>12</sup>

Mục đích của Sandeman là bảo vệ giáo lý được xưng công bình chỉ bởi đức tin. Ông tin rằng nếu đức tin ra từ việc làm của tâm trí hoặc ý chí hoặc cảm xúc mà tiếp nhận Chúa, thì đó là một hành động và một việc làm, tức là trái với giáo lý. Để bảo vệ giáo lý, ông phủ nhận đức tin không hề dự phần vào việc này. Tức là đức tin không phải là một đức tính. Đức tin không có phần trong việc làm cho linh hồn trở nên tốt lành hay đổi mới. Do đó, ông không thấy sự tái sinh có trước và kích hoạt đức tin, vì như vậy sẽ làm cho đức tin trở thành hành động của một tấm lòng được đổi mới và chúng ta sẽ được xưng công bình bởi nhờ việc lành của

---

12. *Các tác phẩm*, Quyển 1, trang 566–567. Sandeman coi trọng quan điểm của mình đến mức ông xem các nhà Thanh Giáo chính thống (bao gồm những người như Flavel, Boston, Guthrie và Erskines) đang chuẩn bị “một con đường tận hiến xuống địa ngục”. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 566.

chúng ta. Vậy, đức tin phải được xác định với linh hồn là thù địch với Đức Chúa Trời, trước khi có bất kỳ sự đổi mới nào.

Sự ủng hộ chủ yếu của Sandeman cho quan điểm này là ý nghĩa của thuật ngữ *người có tội* trong Rô-ma 4: 5 chép rằng: “Còn kẻ chẳng làm việc chi hết, nhưng tin Đấng xưng người có tội là công bình, thì đức tin của kẻ ấy kể là công bình cho mình”. Ông lập luận rằng thuật ngữ này phải có nghĩa là không tin kính hoặc vô đạo đức hoặc không đổi mới hoặc không chủ động về đức tin của chúng ta, vì nếu có thì chúng ta sẽ không bị gọi là *người có tội*. Vậy, ông định nghĩa đức tin là trạng thái thụ động của tâm trí bị thuyết phục bởi chân lý. Như vậy, đức tin có thể tồn tại với không tin kính được hiểu là không có hành động biến đổi hoặc tin kính nào cả của linh hồn.<sup>13</sup>

### **Vì ích lợi của Hội thánh và các dân tộc**

Fuller nhận thấy điều này vừa trái với Kinh Thánh vừa khiến nhiều Hội thánh chán nản. Cắt đứt gốc rễ của đức tin ở trong sự tái sinh, gỡ bỏ sự thuần khiết khỏi đức tin, phủ nhận sự chủ động của đức tin để kết quả trong tình yêu thương (Ga-la-ti 5:6) tức là làm cho Hội thánh trở thành nơi nhóm lại của những kẻ có trí tuệ nhưng thụ động vì sợ có cảm xúc và thiếu lòng say mê trong sự thờ phượng và công tác truyền giáo.<sup>14</sup> Vì thế, một người kính mến Chúa và yêu thích công tác truyền giáo như Fuller đã tiến hành một cuộc chiến khác chống lại thuyết Sandeman vì ích lợi của Hội thánh và các dân tộc.

---

13. Hãy xem Fuller giải thích lập luận này của Sandeman như thế nào trong *Các tác phẩm*, Quyển 1, trang 568.

14. “Quan điểm trí tuệ hóa của họ về đức tin có lẽ giải thích cho điều mà Fuller và Sutcliff đã thấy là bản chất khô cứng của rất nhiều Hội thánh của họ . . . Điều quan trọng nhất là họ không có đủ lòng cam kết với công tác truyền bá Phúc Âm”. Morden, *Cho thế giới biết Đấng Christ*, trang 150.

Fuller biên soạn hàng trăm trang giấy nhỏ những lập luận thành một quyển sách tựa đề là *Kinh Thánh và thuyết Sanderman*.<sup>15</sup> Thí dụ, ông chỉ ra đức tin là một loại “việc làm” hoặc hành động của linh hồn vì Chúa Jêsus phán như vậy trong Giảng 6:28-29 chép rằng: “Họ nói với Ngài: ‘Chúng thưa rằng: Chúng tôi phải làm chi cho được làm công việc Đức Chúa Trời? Đức Chúa Jêsus đáp rằng: Các ngươi tin Đấng mà Đức Chúa Trời đã sai đến, ấy đó là công việc Ngài’”.<sup>16</sup> Chúa cũng phán rằng đó là lời chứng nhất quán của Kinh Thánh nói rằng “nếu các ngươi chẳng ăn năn, thì hết thảy sẽ bị hư mất như vậy”.<sup>17</sup> Ông cũng cho thấy ý nghĩa của đức tin trong Tân Ước được bày tỏ bằng nhiều cách diễn đạt song song

---

15. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 561–646. Đây là hai tranh cãi mẫu vì không xem người có tội trong Rô-ma 4:5 có nghĩa là người tin Chúa được xưng công bình bởi đức tin khi họ không có phẩm chất thánh khiết nào cả:

Lập luận #1: “Cả Áp-ra-ham và Đa-vít, những trường hợp mà sứ đồ chọn để minh họa, đều không phải là kẻ thù của Đức Chúa Trời vào thời điểm đó . . . Nhưng sự thật là, [Áp-ra-ham] đã tin vào Đức Chúa Trời và thờ phượng Ngài trong nhiều năm, vào lúc Kinh Thánh vì ông tin Đức Chúa Trời, nên điều đó được kể là công bình cho ông, Sáng thế ký 12:1–3; 15:6; Hê-bơ-rơ 11:8. Sau đây là câu chuyện về một người đã đồng đi với Đức Chúa Trời trong nhiều năm ‘chẳng làm việc chi hết, nhưng tin Đấng xưng người có tội là công bình’; một bằng chứng rõ ràng khi nói ‘chẳng làm việc chi hết’, sứ đồ không có ý nói là *chẳng làm việc xấu xa chi hết*, nhưng bỏ hết các việc làm là cơ sở để đến cùng Đức Chúa Trời” (Các tác phẩm, Quyển 3, trang 717).

Lập luận #2. “Người ta đã nói thuật ngữ *người có tội* không hề được dùng mà chỉ mô tả kẻ thù địch với Đức Chúa Trời vào thời điểm đó. Tôi biết đây là một sai lầm. Người ta nói Đấng Christ đã chết vì ‘người có tội’. Có phải Chúa chi hy sinh mạng sống của Ngài, vào lúc đó, cho kẻ thù của Ngài thôi sao? Nếu vậy thì Chúa không chết thay cho những người thánh trong Cựu Ước, cũng không chết thay cho những người tin kính nào còn sống vào lúc đó, thậm chí cũng không chết thay cho các sứ đồ của Ngài. Tất cả những gì có thể nói là cho phẩm chất của họ như thế nào đi nữa, thì Chúa đã chết thay cho những kẻ có tội; do đó Ngài ‘xưng công bình cho người có tội’” (Các tác phẩm, trang 404).

16. Nhưng ông ấy liền nói thêm, như chúng ta sẽ thấy bên dưới, “Nhưng chúng ta được xưng công bình bởi đức tin như là một việc làm, hoặc là một phần của việc tuân giữ đạo đức . . . tôi hoàn toàn phủ nhận”. *Các tác phẩm*, Quyển 3, trang 718.

17. *Các tác phẩm*, trang 716.

với hàm ý là việc lành của tấm lòng (thí dụ, tiếp nhận Đấng Christ, Giăng 1:12; hoặc đến với Đấng Christ, Giăng 6: 35).

Vậy, Fuller phủ nhận đức tin là trạng thái thụ động của tâm trí bị thuyết phục bởi chân lý, mà khẳng định đức tin là kết quả thiêng liêng của sự tái sinh, trong đó có động cơ tốt lành để “làm ra bởi sự yêu thương” (Ga-la-ti 5:6).<sup>18</sup> Đây là điều thiết yếu cho sinh hoạt của Hội thánh và sức mạnh cho công tác truyền giáo thế giới. Vậy, ông đã dung hòa điều này với Rô-ma 4:5 nói rằng Đức Chúa Trời “xưng người có tội là công bình” như thế nào? Sau đây là câu trả lời của ông:

*Theo tôi hiểu thì thuật ngữ [người có tội của Rô-ma 4:5] ở trong bản văn này không hề diễn tả trạng thái tâm trí hiện tại của một người, mà là phẩm chất mà Đức Chúa Trời nhìn thấy khi Ngài xưng công bình cho người đó. Cho dù trạng thái tâm trí hiện tại của tội nhân như thế nào – dù đó là một tên Pha-ri-si kiêu ngạo hoặc một kẻ thâm thuế hèn hạ – nếu người đó không có cách nào để cất bỏ sự rủa sả nghịch cùng mình, hoặc không có cơ sở nào để đứng nổi trước mặt Đức Chúa Trời, thì người đó phải được xưng công bình khi còn là người có tội, đáng chết và hoàn toàn không quan tâm đến sự công bình của Đấng Trung Bảo”.<sup>19</sup>*

Ông dùng sự so sánh với nam châm để giúp chúng ta thấy rằng đức tin có thể có những phẩm chất về nó, tuy nhiên Đức

---

18. “Sự vô tín [không phải] giống như sự bất khiết, thù địch hoặc không vâng lời; nhưng không quá khác biệt với cả hai vì không có bản chất chung. Sự vô tín không chỉ là căn nguyên của hết thảy tội lỗi khác, mà bản thân sự vô tín còn là tội lỗi nữa. Tương tự, đức tin không chỉ là gốc rễ cho mọi sự vâng phục, mà bản thân đức tin còn là một hành động vâng phục. Đức tin được gọi là ‘vâng phục lẽ thật’ và ‘vâng phục Phúc Âm’”. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 575.

19. *Các tác phẩm*, Quyển 3, trang 715. Nhấn mạnh thêm.

Chúa Trời không đề cập đến những phẩm chất này khi Ngài coi đức tin là sự công chính.

*Cho dù [đức tin] có sự thuần khiết như thế nào đi nữa, thì vấn đề không do nơi đức tin, mà nằm ở sự vâng phục của Đấng Christ, đó chính là cơ sở để chúng ta được xưng công bình. Cho dù cục nam châm sở hữu đặc tính gì đi nữa, thì nó luôn chỉ về hướng Bắc để dẫn đường cho người đi biển; cho dù đức tin có đặc tính thế nào đi nữa, khi tiếp nhận Chúa bằng đức tin và được hiệp một với Ngài, đức tin ấy được xưng là công bình.<sup>20</sup>*

### **Sự độc đáo của đức tin**

Ông nói đức tin là thứ duy nhất, trong số hết thảy các sự ban cho của ân điển, lớn lên ở trong tấm lòng được đổi mới. Đó là một “ân điển kỳ lạ”.

*Như vậy, đức tin được xưng là công bình vì bởi đức tin mà chúng ta tiếp nhận Đấng Christ; vì thế, đó chỉ bởi đức tin chứ, chứ không nhờ bất kỳ ân điển nào khác. Đức tin là ân điển kỳ lạ so với các sự ban cho khác. Nếu chúng ta nói*

---

20. *Các tác phẩm*, Quyển 1, trang 281. “Khi tin nhận Đức Chúa Jêsus Christ, tội nhân được hiệp một với Ngài, như Kinh Thánh diễn tả là ‘được hiệp một với Chúa’ và ‘đồng một tâm trí với Ngài’; sự hiệp một này, theo ý muốn Chúa, như Phúc Âm giải bày, là cơ sở để có lòng quan tâm đến sự công bình của Ngài. Nhặt trí với điều này tức là nói rằng: “Cho nên hiện nay chẳng còn có sự đoán phạt nào cho những kẻ ở trong Đức Chúa Jêsus Christ” – tức là “nhờ Ngài mà anh em ở trong Đức Chúa Jêsus Christ, là Đấng mà Đức Chúa Trời đã làm nên sự không ngoan, sự công bình . . . cho chúng ta” – tức là “được ở trong Ngài, được sự công bình, không phải công bình của tôi bởi luật pháp mà đến, bèn là bởi tin đến Đấng Christ mà được”. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 384.

*mình được xưng công chính bởi sự ăn năn, bởi tình yêu thương, hay bởi bất ân điển nào khác, thì chúng ta đang có ý tưởng cho rằng mình đã làm một việc lành nên mới nhận được sự ban cho của Đức Chúa Trời; nhưng được xưng công bình bởi đức tin không hề như vậy đâu. Ngược lại, điều này dẫn tâm trí đến cùng Đấng Christ, cũng giống như nói một người sống bằng nghề ăn mày sẽ dẫn đến ý tưởng người đó sống bằng sự ban cho của người khác”.<sup>21</sup>*

Fuller nói điều quan trọng liên quan đến ý nghĩa của sự xưng công bình người có tội không phải là chúng ta không có tình cảm thiêng liêng vào lúc được xưng công bình bởi đức tin, “mà cho dù chúng ta cảm nhận thế nào điều nữa thì những điều đó không phải là cơ sở để chúng ta được cứu, ‘nhưng coi hết thầy mọi sự như là sự lỗ và rơm rác để được cứu rỗi và trở về cùng Ngài’”.<sup>22</sup> Đức tin là một nghĩa vụ. Đó là đáp ứng của linh hồn. Đó là kết quả của sự tái sinh. Fuller nói tiếp rằng: “Nhưng đức tin kỳ diệu đến nỗi hiệp một chúng ta với Đấng Christ và được Ngài xưng công bình, đó là sự xưng công bình bởi đức tin?”<sup>23</sup>

### **Đức tin: Một đáp ứng thiêng liêng để xưng công bình kẻ có tội**

Fuller kết thúc quyển sách *Sự Cao cả của Phúc Âm* bằng cách nhắc về những truyền đạo trong Tân Ước.

21. *Các tác phẩm*, Quyển 1, trang 281. “Bởi đức tin chúng ta nhận được ích lợi ích; nhưng lợi ích không đến từ đức tin mà đến từ Đấng Christ. Do đó, điều tương tự được mô tả ở vài chỗ khác về đức tin, lại được mô tả ở những chỗ khác về sự vâng phục, sự chết và sự phục sinh của Đấng Christ”, trang 282.

22. *Các tác phẩm*, Quyển 2, trang 406.

23. *Các tác phẩm*, trang 572. Tại thời điểm này, ông đề cập đến Jonathan Edwards và ghi nhận công lao của ông về nhận thức sâu sắc này.

*Họ đã dựa vào cơ sở này để công bố: “Đấng rửa thay là kẻ không bền đỗ trong mọi sự đã chép ở sách luật, đặt làm theo những sự ấy!” [Ga-la-ti 3:10]. Do đó, họ suy luận rằng tội nhân không thể được xưng công bình bằng cách nào khác ngoài nhờ Đấng “đã bị rửa sả vì chúng ta”; vì thế, rõ ràng là cho dù tội nhân có đời sống thánh thiện như thế nào đi nữa, thì trong khi hoặc sau khi tin Chúa, họ không còn cơ sở nào khác để đến cùng Đức Chúa Trời.<sup>24</sup>*

Có nghĩa là Đức Chúa Trời xưng công bình chúng ta là những kẻ đáng chết và có tội vì cơ Đấng Christ, chứ không phải vì sự thánh thiện của chúng ta đâu. Như vậy, Fuller có thể bênh vực ý nghĩa quan trọng của đức tin theo Kinh Thánh là đáp ứng thiêng liêng của ý chí từ sự tái sinh, đồng thời nói như sứ đồ Phao-lô rằng: “Còn kẻ chẳng làm việc chi hết, nhưng tin Đấng xưng người có tội là công bình, thì đức tin của kẻ ấy kể là công bình cho mình” (Rô-ma 4:5).

### **Một kẻ thù lớn: Sự vô tín toàn cầu**

Tóm lại, Fuller có một kẻ thù lớn mà ông đã muốn đánh bại – đó là sự vô tín toàn cầu về Đức Chúa Jêsus Christ. Ông tin rằng nước của Đấng Christ sẽ đắc thắng, ông muốn trở thành một công cụ để chiến thắng sự vô tín ở Ấn Độ và cho đến tận cùng cõi đất. Sự cản trở trên con đường đi tới chiến thắng trong thế hệ của ông là những quan niệm sai trật về sự xưng công bình bởi đức tin và công tác rao truyền Phúc Âm. Thuyết Sandeman đã cướp đoạt sự sống và sức mạnh của đức tin đến nỗi sự thờ phượng và công tác truyền giáo không có đức tin nữa. Thuyết Calvin Cực đoan đã bóp

---

24. *Các tác phẩm*, trang 392–393.

nghe sứ điệp Phúc Âm của Nàng dâu (Khải huyền 22:17 chép rằng: “Thánh Linh và vợ mới cùng nói: Hãy đến! Kẻ nào nghe cũng hãy nói rằng: Hãy đến! Ai khát, khá đến. Kẻ nào muốn, khá nhận lấy nước sự sống cách nhưng không”). Vì sự sống của Hội thánh và sự cứu rỗi của các dân tộc, Fuller đã chiến đấu vì chân lý.



# 4

## LIÊN KẾT QUAN TRỌNG GIỮA GIÁO LÝ VÀ CÔNG TÁC TRUYỀN GIÁO THẾ GIỚI

Chúng ta học được điều gì từ sự việc này? Chúng ta nên tìm hiểu liên kết quan trọng giữa việc giữ lòng trung thành với giáo lý của Hội thánh và mục đích của công tác truyền giáo thế giới. Động lực chính của chúng ta ngày hôm nay là một khuynh hướng khác. Hễ đi đâu, chúng ta đều bị áp lực đến mức tin rằng công tác truyền giáo không phụ thuộc vào việc tranh luận về giáo lý. Đến khi chúng ta tiếp cận Cơ Đốc nhân khác thì cuộc tranh luận về một vài vấn đề trong Kinh Thánh nảy sinh, lời kêu gọi vang lên rằng: “Đừng lãng phí thời gian nữa mà hãy tập trung vào công tác truyền giáo”. Những gì chúng ta học được từ Fuller đó là những lời kêu gọi đó thực ra là sự ngây thơ về mặt lịch sử và chẳng khác gì một màn khói lan tràn sự sai trật khắp nơi mà không bị ngăn cấm.

Một bài học quan trọng từ cuộc đời của Andrew Fuller là sự bên vực cho công tác giải Kinh và giáo lý về sự xưng công bình bởi đức tin và rao truyền Phúc Âm thật cuối cùng đã không cản trở mà còn thúc đẩy phong trào giáo sĩ lớn nhất trong lịch sử thế giới. Kinh nghiệm Cơ Đốc theo Kinh Thánh và rao truyền Phúc Âm theo Kinh Thánh một cách đúng đắn chính là những điều cần thiết để có

được sức lực, sự bền đỗ và kết quả trong công tác truyền giáo thế giới.

### **Suy luận sai dẫn đến sai lầm chết người**

Hãy rút kinh nghiệm từ các xung đột của Fuller, sai lầm chết người đến từ những suy luận sai về các bản văn dựa vào lời tuyên bố hứa hẹn của lô-gíc cho rằng: Nếu Đức Chúa Trời xưng công bình cho kẻ có tội, thì đức tin cũng là tội vì Đức Chúa Trời xưng công bình bởi đức tin. Nếu một người không thể tiếp nhận sứ điệp của thập tự giá, thì cũng đừng giục họ tiếp nhận sứ điệp ấy; đừng có vô ích và tàn nhẫn như thế. Lô-gíc thật không phải là kẻ thù của giải Kinh. Nhưng đã có rất nhiều sai lầm bắt nguồn từ các tuyên bố về lô-gíc mâu thuẫn với Kinh Thánh:

- Nếu Đức Chúa Trời là sự yêu thương, thì không thể có sự tiền định.
- Nếu Ê-tiên nói dân Y-sơ-ra-ên đã nghịch cùng Đức Chúa Trời, thì Ngài không thể thắng được cuộc nổi loạn của chúng ta.
- Nếu con người phải chịu trách nhiệm cho lựa chọn của mình, thì họ cũng phải có quyền tự quyết.
- Nếu Đức Chúa Trời là tốt lành, thì người vô tội không thể chịu khổ nhiều như vậy.
- Nếu Đức Chúa Trời cai trị muôn vật kể cả tội lỗi, thì Ngài phải là tội nhân.
- Nếu Đức Chúa Trời cai trị muôn vật, thì không cần phải cầu nguyện nữa.
- Nếu Đức Chúa Trời đe dọa một người không được vào thiên quốc, thì người đó không có sự đảm bảo đời đời.

- Nếu Đấng Christ chết thay cho mọi người, thì Ngài không thể chỉ cứu chuộc những người được tuyển chọn.

Fuller cho chúng ta thấy rằng phương thuốc hữu hiệu để chống lại việc sử dụng sai tính lô-gíc thì trước hết không phải là có một lô-gíc tốt hơn, mà phải có sự hiểu biết tốt hơn về Kinh Thánh, đó là hệ thống cảnh báo tốt nhất khi tính lô-gíc bị lạm dụng.

### **Ảnh hưởng toàn cầu vì sự vinh hiển của Đấng Christ**

Có một loại lô-gíc xuất hiện ở trong đời sống, chiến trận và thành quả toàn cầu của Fuller. Sự tiếp cận của ông đối với thuyết Sandeman làm nổi bật tầm quan trọng thiết thực của đời sống thuộc linh đối với đức tin khô khan và lý trí. Sự tiếp cận của ông đối với thuyết Calvin Cực đoan làm nổi bật mục tiêu quan trọng của sứ điệp Phúc Âm. Hai điều này tạo tiền đề cho cuộc tấn công vào sự vô tín toàn cầu. Kinh nghiệm của một người về Đức Chúa Trời và chân lý khách quan về Đức Chúa Trời tạo ra một công tác truyền giáo thiết thực vì Đức Chúa Trời. Đức tin và Phúc Âm tạo nên khả tượng toàn cầu. Vì thế, hãy hết sức để kinh nghiệm Đấng Christ trong Phúc Âm một cách chân thực và theo Kinh Thánh. Hãy gắng hết sức mà hiểu biết Đấng Christ ở trong Phúc Âm một cách chân thực và theo Kinh Thánh. Hãy cầu xin Đức Chúa Trời ban cho chúng ta kinh nghiệm và sự hiểu biết ấy hầu cho cuộc đời của chúng ta sống cho công tác truyền giáo toàn cầu vì sự vinh hiển của Đấng Christ giống như Andrew Fuller.



## TÁC GIẢ



John Piper là giáo sư và người sáng lập *Desiring God*, ông cũng là hiệu trưởng danh dự của Trường Cao đẳng và Chứng viện Bethlehem. Ông đã phục vụ với tư cách mục sư quản nhiệm Hội thánh Báp-tít Bethlehem trong vòng 33 năm tại thành phố Minneapolis thuộc tiểu bang Minnesota. Ông là tác giả của hơn 50 tựa sách, trong đó đã có các tựa sách được chuyển ngữ sang tiếng Việt gồm “*Adoniram Judson*”, “*David Brainerd*”, “Nhìn thấy và Say mê Jêsus Christ” và “Đói khát Đức Chúa Trời”.



## MỤC VỤ TIÊN PHONG

Mục vụ Tiên Phong ra đời với khái tượng “chuyển ngữ và xuất bản tài liệu Cơ Đốc để rao truyền sự vinh hiển của Đức Chúa Trời vì sự vui mừng của người Việt, đặc biệt là qua sự chịu khổ, trong Đức Chúa Jêsus Christ”.

Tài liệu Cơ Đốc này không thể thay thế Lời Chúa và những tài liệu của Hội thánh mà quý con cái Chúa đang nhóm lại hàng tuần. Chúng tôi chỉ mong con cái Chúa sử dụng các tài liệu này để bày tỏ Phúc Âm của Đức Chúa Jêsus Christ cho gia đình, người thân, bạn bè và cộng đồng xung quanh.

Nếu bạn muốn biết làm thế nào để dâng hiến, hỗ trợ và nhận tin tức về các tựa sách khác mà Mục vụ Tiên Phong đang chuyển ngữ, xin hãy liên hệ chúng tôi bằng thư điện tử [info@tienphong.org](mailto:info@tienphong.org) hoặc bạn có thể tìm đến trang điện tử [www.tienphong.org](http://www.tienphong.org) để tải về và đọc các tài liệu miễn phí.

Chúng tôi chân thành biết ơn các anh chị em con cái Chúa đã tin tưởng hỗ trợ dự án tài liệu Cơ Đốc cho người Việt của Mục vụ Tiên Phong.

Xin Chúa dẫn dắt,

**Mục vụ Tiên Phong**

Vào tháng 10 năm 1792, Hội Truyền giáo Báp-tít được thành lập ở nhà của Andrew Fuller. Trong vòng 21 năm sau đó, Fuller đã giữ vai trò lãnh đạo tổ chức này, kêu gọi hỗ trợ, xuất bản các bài viết định kỳ, tuyển mộ giáo sĩ và gửi đi những lá thư cho rất nhiều người đang làm việc trên cánh đồng truyền giáo.

Ông đã hoàn thành lời hứa với giáo sĩ vĩ đại là William Carey, một người kiên quyết đến đất nước Ấn Độ xa lạ đã nhìn vào mặt các anh em đồng lao của mình rồi nói rằng: “Tôi sẽ leo xuống, nếu các anh giữ chặt dây thừng”. Andrew Fuller đã giữ chặt sợi dây thừng đó. Trải qua việc mất đi người vợ đầu tiên và tám trong số mười một đứa con của mình, Fuller đã bền đỗ ngay giữa đau khổ và trách nhiệm chồng chất. Ông đã rất mong các dân tộc chưa được vươn đến sẽ nghe thấy Phúc Âm và hiểu đúng (thường bị phớt lờ) nền tảng rõ ràng của giáo lý.

Vì nhiều lý do trên và hơn thế nữa, John Piper đã chia sẻ tiểu sử về Andrew Fuller tại Hội nghị Mục sư vào năm 2007. Mang danh hiệu “người giữ dây thừng” vĩ đại, cuộc đời của Fuller một lần nữa được thuật lại trong quyển sách này để động viên và làm gương sáng cho chúng ta.

Chúng ta phải làm gì để cống hiến cho công tác truyền giáo nếu không được kêu gọi ra đi? Chúng ta phải làm gì cho các dân tộc chưa được vươn đến ở trong thế gian đang bị hư mất này? Chúng ta phải làm gì để hiểu rõ tầm quan trọng của giáo lý trong việc hoàn thành công tác truyền giáo? Hãy đọc Andrew Fuller.



**John Piper** là giáo sư và người sáng lập mục vụ Desiring God, ông cũng là hiệu trưởng của trường Cao đẳng và Chứng viện Bethlehem. Ông đã từng là mục sư của Hội thánh Báp-tít Bethlehem trong 33 năm, ở thành phố Minneapolis, ông cũng là tác giả của hơn 50 tựa sách, trong đó có “*Adoniram Judson*”, “*David Brainerd*”, “*Đừng lãng phí cuộc đời*” và “*Đói khát Đức Chúa Trời*” đã được chuyển ngữ

sang tiếng Việt.

